

Số: 301 /SNV-CCHC

Hà Nam, ngày 04 tháng 5 năm 2016

V/v lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định
về mức chi hỗ trợ đối với công chức
trực tiếp làm việc tại bộ phận
tiếp nhận và trả kết quả
các cấp trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Lãnh đạo các sở, ban, ngành;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, ngày 22 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 172/2012/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước, trong đó có quy định nội dung chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông) với định mức tối đa không quá 400.000đ/người/tháng, mức chi cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Bộ Nội vụ có Công văn số 1963/BNV-CCHC về việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và để mức chi cho công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của pháp luật cũng như phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh, Sở Nội vụ đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi hỗ trợ đối với công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Sở Nội vụ trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị cho ý kiến về những nội dung cụ thể như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh

Sở Nội vụ dự kiến phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết như sau: Các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh; huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- c) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Về đối tượng áp dụng

| Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg | Dự kiến của Sở Nội vụ |
|---|---|
| <p>Khoản 4 Điều 10 quy định về Quản lý công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> <p>a) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Chánh Văn phòng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>b) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc biên chế Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện;</p> <p>c) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã là công chức thuộc 7 chức danh công chức cấp xã được quy định tại Luật Cán bộ, công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương.</p> | <p>a) Công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (thuộc biên chế của Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố);</p> <p>c) Công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thuộc 7 chức danh công chức cấp xã được quy định tại Luật Cán bộ, công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương.</p> |

Theo dự kiến của Sở Nội vụ thì đối tượng áp dụng của Nghị quyết là những công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh; Lãnh đạo Văn phòng các sở, cơ quan ngang sở, Văn phòng HĐND & UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm toàn bộ về hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Theo Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh) đã được hưởng phụ cấp chức vụ không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện phải thuộc biên chế của Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện;

3. Về cách tính định suất:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và số liệu báo cáo của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Nội vụ dự kiến số lượng định suất cụ thể cho từng cấp như sau:

| Đơn vị | Số lượng công chức | Văn bản Báo cáo tổng kê của các cơ quan, đơn vị được khảo sát | Dự kiến của Sở Nội vụ (định suất) | Ghi chú |
|-------------------------------|--------------------|---|-----------------------------------|---------|
| CÁC SỞ, BAN, NGÀNH: 19 | | | | |
| Sở Nội vụ | 01 | | 01 | |
| Sở LĐTB&XH | 01 | 278/LĐTBXH | 01 | |
| Sở Y tế | 01 | 113/BC-SYT ngày 29/02/2016 | 01 | |
| Sở Tài Nguyên&MT: | 01 | - BC-STNMT ngày 29/02/2016 | 01 | |
| Sở Khoa học&CN | 01 | 84/BC-SKHHCN ngày 03/3/2016 | 01 | |
| Sở VH TTDL | 01 | 29/BC-SVHTTDL ngày 02/3/2016 | 01 | |
| Sở GD-ĐT | 02 | 184/SGDDĐT-VP ngày 23/02/2016 | 01 | |
| Sở Thông tin&TT | 01 | 11/BC-STTTT ngày 24/02/2016 | 01 | |
| Sở NN&PTNT | 01 | 24/BC-SNN ngày 24/02/2016 | 01 | |
| Sở Công thương | 01 | 163/BC-SCT ngày 29/02/2016 | 01 | |
| Sở Xây dựng | 02 | 233/BC-SXD ngày 29/02/2016 | 01 | |
| Sở Tư pháp | 02 | 29/BC-STP ngày 22/02/2016 | 01 | |
| Sở KH-ĐT: | 02 | 240/BC-SKHĐT ngày 14/3/2016 | 01 | |
| Sở Tài Chính | 01 | 389/BC-STC ngày 15/3/2016 | 01 | |
| Sở GTVT | 04 | 312/BC-SGTVT ngày 29/02/2016 | 01 | |
| Văn phòng UBND tỉnh | 01 | 194/BC-VPUB ngày 25/02/2016 | 01 | |
| Thanh tra tỉnh | 01 | 23/BC-TTr ngày 29/02/2016 | 01 | |
| BQL Khu ĐH Nam Cao | | | 01 | |
| BQL các KCN | 01 | 133/BC-BQLKCN ngày 29/02/2016 | 01 | |
| UBND CẤP HUYỆN: 07 | | | | |
| UBND TP Phú Lý | 02 | 33/BC-UBND ngày 26/02/2016 | 01 | |

| | | | | |
|-------------------------|-----|-------------------------------|------------|--|
| UBND huyện Duy Tiên | 07 | 08/BC-VP ngày 23/02/2016 | 02 | Có BPTNTKQ hiện đại |
| UBND huyện Kim Bảng | 02 | 57/BC-UBND ngày 26/02/2016 | 01 | |
| UBND huyện Bình Lục | 01 | 23/BC-UBND ngày 29/02/2016 | 01 | |
| UBND huyện Thanh Liêm | 01 | BC ngày 25/02/2016 | 01 | |
| UBND huyện Lý Nhân | 01 | 47/BC-UBND ngày 10/3/2016 | 01 | |
| UBND CẤP XÃ: 116 | | | | |
| UBND cấp xã | 321 | | 116 | Sở Nội vụ dự kiến mỗi đơn vị hành chính cấp xã 01 định suất |
| Tổng số | | | 142 | |

4. Về mức chi hỗ trợ

Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 quy định mức hỗ trợ đối với công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp không quá 400.000 đồng/người/tháng, mức chi cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

Do vậy, Sở Nội vụ dự kiến mức chi hỗ trợ là 300.000 đồng/người/tháng.

Tổng kinh phí ngân sách của tỉnh mỗi năm chi trả là:

300.000 đồng x 142 định suất x 12 tháng = 511.200.000 đồng (Năm trăm mười một triệu hai trăm nghìn đồng)

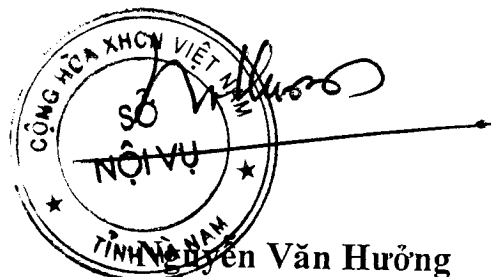
5. Ngoài ra, trân trọng đề nghị các đồng chí cho ý kiến về các nội dung khác có trong dự thảo.

Đề nghị các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đóng góp ý kiến vào dự thảo Nghị quyết về mức chi hỗ trợ đối với công chức trực tiếp làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam (*Dự thảo kèm theo*) và gửi bằng văn bản về Sở Nội vụ trước ngày **15/5/2016** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh ban hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Như trên;
- GD, PGĐ(PT)
- Lưu: VT, CCHC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hưởng

Số: /TTr-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc Quy định mức chi hỗ trợ đối với công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Công văn số 3536/BNV-CCHC ngày 16/12/2007 của Bộ Nội vụ về chế độ phụ cấp cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp; Công văn số 1963/BNV-CCHC ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 22 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 172/2012/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước. Theo đó, quy định chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông) với định mức tối đa không quá 400.000đ/người; cho phép công chức làm việc tại Bộ phận một cửa làm việc vào ngày thứ bảy (*trong trường hợp cần thiết*) để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thì được hưởng lương làm thêm giờ theo quy định.

Tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả “b) Được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định.”

Tại Khoản 14 Điều 2 Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định các nội dung chi, trong đó có “Chi hỗ trợ cho cán

bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương (một cửa, một cửa liên thông). ”.

Thực tiễn tại tỉnh Hà Nam hiện tại chưa thực hiện việc hỗ trợ phụ cấp cho công chức trực tiếp làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp. Vì vậy, căn cứ vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương, để kịp thời hỗ trợ, động viên đội ngũ công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông các cấp, việc Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về mức chi hỗ trợ đối với công chức trực tiếp làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước;

III. Nội dung

1. Phạm vi điều chỉnh

Các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh; huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- c) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (thuộc biên chế của Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố).

c) Công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

3. Số lượng công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

Hiện nay, qua khảo sát của Sở Nội vụ, tổng số công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh là 363 người (Trong đó: tại các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị trực thuộc sở là 28 người; cấp huyện là 14 người; cấp xã là 321 người). Tuy nhiên số lượng công chức làm việc tại

bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở mỗi đơn vị (nhất là cấp huyện và cấp xã) lại chưa có sự thống nhất chung, chưa có tính đồng bộ trên phạm vi tỉnh. Nguyên nhân là do thủ trưởng, người đứng đầu mỗi cơ quan, đơn vị căn cứ vào thẩm quyền và đặc điểm tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để sắp xếp, bố trí công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, điều này dẫn đến sự chênh lệch về số lượng công chức giữa các đơn vị cùng cấp. Vì vậy để có sự thống nhất chung trong phạm vi toàn tỉnh, đồng thời đảm bảo tính công bằng trong việc chi hỗ trợ đối với đội ngũ công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất phương án quy định định suất hỗ trợ đối với công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận các cấp, mỗi định suất tương ứng với 01 công chức, theo đó:

- Đối với UBND xã, phường, thị trấn: mỗi đơn vị được 01 định suất, tổng số: 116 định suất

- Đối với UBND huyện, thành phố: mỗi đơn vị được 01 định suất; riêng UBND huyện Duy Tiên có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại được 02 định suất, tổng số: 07 định suất.

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: 19 định suất

(theo Phụ lục đính kèm).

Tổng số định suất toàn tỉnh là: 142.

4. Mức phụ cấp:

Căn cứ Phụ lục kèm theo Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính; căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh nhà và trên cơ sở tổng số định suất trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức chi hỗ trợ công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh là **300.000 đồng/01 định suất/01 tháng**. Cụ thể như sau:

- **Cấp xã:** Có 116 xã, phường, thị trấn tương ứng với 116 định suất:

116 định suất x 300.000 đồng x 12 tháng = 417.600.000 đồng

- **Cấp huyện:**

+ Có 05 đơn vị được 01 định suất:

05 định suất x 300.000 đồng x 12 tháng = 18.000.000 đồng

+ Có 01 đơn vị được 02 định suất:

02 định suất x 300.000 đồng x 12 tháng = 7.200.000 đồng

- **Cấp tỉnh:** Có 19 sở, cơ quan ngang sở được 19 định suất:

19 định suất x 300.000 đồng x 12 tháng = 68.400.000 đồng

Tổng kinh phí chi hỗ trợ trong 01 năm là:

142 định suất x 300.000 đồng x 12 tháng = 511.200.000 (Năm trăm mười một triệu hai trăm nghìn đồng)

Theo phương án này, các địa phương, đơn vị chủ động lập, chấp hành và quyết toán kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ cho công chức làm việc tại Bộ

phận tiếp nhận và trả kết quả vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, đơn vị. Đồng thời khuyến khích, nâng cao trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trong giải quyết thủ tục hành chính phục vụ tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp

Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Tài chính, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xét duyệt chế độ phụ cấp nêu trên đảm bảo đúng đối tượng và đúng các quy định hiện hành.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông

PHỤ LỤC I

SỐ LƯỢNG ĐỊNH SUẤT HỖ TRỢ CHO CÔNG CHỨC TRỰC TIẾP LÀM VIỆC TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM
(kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Hà Nam)

| Stt | Cơ quan, đơn vị, địa phương | Số định suất |
|--------------------------------|--|--------------|
| I | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | |
| 1 | Sở Nội vụ | 01 |
| 2 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 01 |
| 3 | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch | 01 |
| 4 | Sở Y tế | 01 |
| 5 | Sở Giao thông vận tải | 01 |
| 6 | Sở Công thương | 01 |
| 7 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 01 |
| 8 | Sở Xây dựng | 01 |
| 9 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |
| 10 | Sở Tư pháp | 01 |
| 11 | Sở Khoa học và Công nghệ | 01 |
| 12 | Sở Thông tin và Truyền thông | 01 |
| 13 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 01 |
| 14 | Sở Tài chính | 01 |
| 15 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 01 |
| 16 | Văn phòng UBND tỉnh | 01 |
| 17 | Thanh tra tỉnh | 01 |
| 18 | Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao | 01 |
| 19 | Ban Quản lý các khu công nghiệp | 01 |
| II | UBND các huyện, thành phố | |
| 1 | UBND thành phố Phủ Lý | 01 |
| 2 | UBND huyện Lý Nhân | 01 |
| 3 | UBND huyện Duy Tiên | 02 |
| 4 | UBND huyện Thanh Liêm | 01 |
| 5 | UBND huyện Kim Bảng | 01 |
| 6 | UBND huyện Bình Lục | 01 |
| III | UBND các xã, phường, thị trấn (cấp xã): | |
| | UBND mỗi xã, phường, thị trấn là 01 định suất (116 đơn vị cấp xã x 01 định suất/01 đơn vị) | 116 |
| Tổng cộng số định suất: | | 142 |

Số: /20.../NQ-HĐND

Hà Nam, ngày tháng năm 201...

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ đối với công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ....., KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../201...;

Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi hỗ trợ đối với công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Nam là 300.000 đồng/người/tháng.

Nguồn kinh phí hỗ trợ:

- Năm 2016 (phần chênh lệch tăng thêm) do ngân sách tỉnh cân đối, bổ sung cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Từ năm 2017 được cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết và thường xuyên rà soát lại số lượng công chức được bố trí công tác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các ban HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Nam khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khoá
- Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Nam, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC

SỐ LƯỢNG ĐỊNH SUẤT HỖ TRỢ CHO CÔNG CHỨC TRỰC TIẾP LÀM VIỆC TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM
(kèm theo Nghị quyết số /2016/NQ-HĐND ngày tháng năm 2016 của HĐND tỉnh Hà Nam)

| Stt | Cơ quan, đơn vị, địa phương | Số định suất |
|--------------------------------|--|--------------|
| I | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | |
| 1 | Sở Nội vụ | 01 |
| 2 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 01 |
| 3 | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch | 01 |
| 4 | Sở Y tế | 01 |
| 5 | Sở Giao thông vận tải | 01 |
| 6 | Sở Công thương | 01 |
| 7 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 01 |
| 8 | Sở Xây dựng | 01 |
| 9 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |
| 10 | Sở Tư pháp | 01 |
| 11 | Sở Khoa học và Công nghệ | 01 |
| 12 | Sở Thông tin và Truyền thông | 01 |
| 13 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 01 |
| 14 | Sở Tài chính | 01 |
| 15 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 01 |
| 16 | Văn phòng UBND tỉnh | 01 |
| 17 | Thanh tra tỉnh | 01 |
| 18 | Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao | 01 |
| 19 | Ban Quản lý các khu công nghiệp | 01 |
| II | UBND các huyện, thành phố | |
| 1 | UBND thành phố Phủ Lý | 01 |
| 2 | UBND huyện Lý Nhân | 01 |
| 3 | UBND huyện Duy Tiên | 02 |
| 4 | UBND huyện Thanh Liêm | 01 |
| 5 | UBND huyện Kim Bảng | 01 |
| 6 | UBND huyện Bình Lục | 01 |
| III | UBND các xã, phường, thị trấn (cấp xã): | |
| | UBND mỗi xã, phường, thị trấn là 01 định suất (116 đơn vị cấp xã x 01 định suất/01 đơn vị) | 116 |
| Tổng cộng số định suất: | | 142 |